|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS GIA THỤY  **TỔ HOÁ - SINH - ĐỊA**  **ĐỀ 01** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN SINH HỌC 9**  **Ngày: 29/12/2021**  **Năm học: 2021 - 2022**  *Thời gian làm bài: 45 phút* |

**Chọn một đáp án đúng trong các câu sau:**

**Câu 1 (0,3 điểm): Loại biến dị nào sau đây phát sinh trong đời cá thể dưới ảnh hưởng trực tiếp của môi trường, biểu hiện đồng loạt theo một hướng xác định và không di truyền được?**

A. Biến dị tổ hợp.

B. Đột biến gen.

C. Thường biến.

D. Đột biến cấu trúc NST.

**Câu 2 (0,3 điểm): Đột biến số lượng NST gồm**

A. lặp đoạn và đảo đoạn NST.

B. mất đoạn NST và thể dị bội.

C. lặp đoạn NST và thể đa bội.

D. thể dị bội và thể đa bội.

**Câu 3 (0,3 điểm): Thể dị bội là cơ thể mà trong tế bào sinh dưỡng có sự thay đổi về số lượng**

A. ở một hoặc một số cặp NST.

B. chỉ ở cặp nhiễm sắc thể giới tính.

C. của toàn bộ các cặp NST.

D. chỉ ở các cặp nhiễm sắc thể thường.

**Câu 4 (0,3 điểm): Phát biểu nào SAI khi nói về đột biến gen?**

A. Là những biến đổi trong cấu trúc của gen liên quan đến một hoặc một số cặp nuclêôtit.

B. Không di truyền cho thế hệ sau.

C. Phát sinh do rối loạn trong quá trình sao chép ADN.

D. Thường có hại cho sinh vật, một số ít có lợi.

**Câu 5 (0,3 điểm): Đặc điểm của thực vật bị đột biến thể đa bội là**

A. tốc độ phát triển chậm. B. khả năng chống chịu yếu.

C. năng suất cây trồng giảm. D. cơ quan sinh dưỡng to hơn bình thường.

**Câu 6 (0,3 điểm): Phát biểu nào ĐÚNG khi nói về đột biến cấu trúc NST?**

A. Là những biến đổi trong cấu trúc của NST.

B. Là những biến đổi trong số lượng của NST.

C. Đa số có lợi cho sinh vật.

D. Gồm đột biến thể đa bội và thể dị bội.

**Câu 7 (0,3 điểm): Theo Menđen, mỗi tính trạng của cơ thể được quy định bởi**

A. một cặp nhân tố di truyền.

B. ba cặp nhân tố di truyền.

C. một nhân tố di truyền.

D. hai cặp nhân tố di truyền.

**Câu 8 (0,3 điểm): Trong thí nghiệm lai hai cặp tính trạng của Menden, khi lai hai thứ đậu Hà Lan thuần chủng có hạt vàng, vỏ trơn với cây hạt xanh, vỏ nhăn thì kiểu hình thu được ở các cây lai F1 như thế nào? (Biết tính trạng hạt vàng là trội hoàn toàn so với hạt xanh, tính trạng vỏ trơn là trội hoàn toàn so với vỏ nhăn).**

A. Toàn hạt vàng, vỏ trơn.

B. Toàn hạt xanh, vỏ nhăn.

C. Toàn hạt vàng, vỏ nhăn.

D. Toàn hạt xanh, vỏ trơn.

**Câu 9 (0,3 điểm): Theo Menđen: Khi lai hai bố mẹ khác nhau về một cặp tính trạng thuần chủng tương phản thì F1..(1).. về tính trạng của bố hoặc mẹ, còn F2 có sự phân li tính trạng theo tỉ lệ trung bình ..(2)..**

**Thông tin nào điền vào những chỗ chấm là đúng?**

A. (1) đồng tính, (2) 3 trội : 1 lặn.

B. (1) phân tính, (2) 100% lặn.

C. (1) phân tính, (2) 3 lặn : 1 trội.

D. (1) đồng tính, (2) 100% trội.

**Câu 10 (0,3 điểm): Thể đồng hợp có**

A. kiểu gen chứa cặp gen gồm 2 gen tương ứng khác nhau.

B. các cặp gen trong tế bào đều giống nhau.

C. kiểu gen chứa cặp gen gồm 2 gen tương ứng giống nhau.

D. các cặp gen trong tế bào đều khác nhau.

**Câu 11 (0,3 điểm): Trong di truyền học, kí hiệu của cặp bố mẹ xuất phát là**

A. G.

B. F.

C. P.

D. H.

**Câu 12 (0,3 điểm): Moocgan nghiên cứu thành công trên loài sinh vật nào để tìm ra quy luật di truyền liên kết?**

A. Muỗi.

B. Ruồi giấm.

C. Ong.

D. Chuồn chuồn.

**Câu 13 (0,3 điểm): Trong thí nghiệm lai một cặp tính trạng của Menden, khi lai hai thứ đậu Hà Lan thuần chủng có thân cao với thân lùn thì F1 thu được toàn cây thân cao. F1 tự thụ phấn thu được tỉ lệ kiểu hình ở F2 là**

A. 3 thân cao : 1 thân lùn.

B. 3 thân lùn : 1 thân cao.

C. toàn cây thân cao.

D. toàn cây thân lùn.

**Câu 14 (0,3 điểm): Những đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh lí của một cơ thể được gọi là**

A. giống thuần chủng.

B. tính trạng.

C. kiểu hình.

D. kiểu gen.

**Câu 15 (0,3 điểm): Bộ NST thuộc thể đa bội có**

A. (2n+1) NST.

B. (2n+2) NST.

C. (2n-1) NST.

D. 4n NST.

**Câu 16 (0,3 điểm): Ở gà, hiện tượng cặp NST thứ 30 trong bộ NST thêm một chiếc là đột biến thể dị bội dạng**

A. 2n + 2.

B. 2n - 2.

C. 2n - 1.

D. 2n + 1.

**Câu 17 (0,3 điểm): Cho một đoạn gen bình thường (a) và một đoạn gen đột biến (a’) phát sinh từ đoạn gen bình thường (a): A T G X X G đột biến A T G T X G**

**T A X G G X T A X A G X**

**Đoạn gen ban đầu (a) Đoạn gen đột biến (a’)**

**Dạng đột biến của gen (a’) là**

A. mất một cặp nuclêôtit X – G.

B. thay thế cặp nulêôtit T – A bằng cặp X – G.

C. thêm một cặp nuclêôtit T - A.

D. thay thế cặp nulêôtit X – G bằng cặp T - A.

**Câu 18 (0,3 điểm): Dạng đột biến gen nào không làm thay đổi số lượng nuclêôtit của gen?**

A. thay thế một cặp nuclêôtit.

B. thêm một cặp nuclêôtit.

C. mất một cặp nuclêôtit.

D. thêm hai cặp nuclêôtit.

**Câu 19 (0,3 điểm): Ví dụ nào là đột biến gen có lợi?**

A. Đột biến gen làm mất khả năng tổng hợp diệp lục ở cây mạ.

B. Lợn con có đầu và chân sau dị dạng.

C. Đột biến gen ở cây lúa làm cây cứng và nhiều bông hơn.

D. Đột biến gen gây bệnh câm điếc ở người.

**Câu 20 (0,3 điểm): Người bình thường có bộ NST 2n = 46. Ở bệnh nhân mắc bệnh Đao, cặp NST số 21 có 3 chiếc. Vậy số lượng NST trong bộ NST của bệnh nhân Đao là**

A. 45.

B. 46.

C. 47.

D. 48.

**Câu 21 (0,3 điểm): Ví dụ nào là cặp tính trạng tương phản?**

A. Hạt vàng và hạt xanh.

B. Quả đỏ và hạt nhăn.

C. Hoa đỏ và hạt vàng.

D. Thân cao và hạt vàng

**Câu 22 (0,3 điểm): Cơ thể có kiểu gen nào sẽ tạo ra 4 loại giao tử?**

A. AaBb.

B. Aabb.

C. AABB.

D. aaBB.

**Câu 23 (0,3 điểm): Phép lai nào là phép lai phân tích?**

A. Aa x aa.

B. aa x aa.

C. AA x Aa.

D. Aa x Aa.

**Câu 24 (0,3 điểm): Ở chuột, gen A quy định lông nâu, gen a quy định lông đen, tính trạng trội át hoàn toàn tính trạng lặn. Kiểu gen biểu hiện kiểu hình chuột lông đen là**

A. Aa và aa.

B. AA và Aa.

C. AA.

D. aa.

**Câu 25 (0,3 điểm): Theo Menđen, các tổ hợp gen nào đều biểu hiện kiểu hình trội (gen trội át hoàn toàn gen lặn)?**

A. AA và aa.

B. AA, Aa, aa.

C. Aa và aa.

D. AA và Aa.

**Câu 26 (0,3 điểm): Ở đậu Hà Lan, gen A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với gen a quy định hoa trắng. Cho biết không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con có kiểu hình phân li theo tỉ lệ 100% cây hoa đỏ?**

A. AA × aa.

B. Aa × Aa.

C. aa × aa.

D. Aa × aa.

**Câu 27 (0,3 điểm): Giống đậu Hà Lan có đặc điểm nào thuận lợi cho việc nghiên cứu di truyền của Menđen?**

**1. Là dòng giao phối bắt buộc.**

**2. Có các cặp tính trạng tương phản rõ rệt.**

**3. Có hoa lưỡng tính và tự thụ phấn nghiêm ngặt.**

**4. Có thời gian sinh trưởng, phát triển ngắn.**

**Phương án đúng là**

A. 1, 3, 4.

B. 1, 2, 3.

C. 2, 3, 4.

D. 1, 2, 4.

**Câu 28 (0,3 điểm): Ở đậu Hà Lan có 2n = 14. Khi quan sát một tế bào sinh dưỡng ở kì giữa của nguyên phân dưới kính hiển vi đếm được 15 NST. Loại đột biến nêu trên là thể dị bội dạng**

A. 2n + 1.

B. 2n – 1.

C. 2n + 2.

D. 2n – 2.

**Câu 29 (0,4 điểm): Khi giao phấn giữa cây đậu Hà Lan thuần chủng có hạt vàng, vỏ trơn với cây hạt xanh, vỏ nhăn thì kiểu hình thu được ở các cây lai F1 đều là cây hạt vàng, vỏ trơn. Nếu cho F1 tự thụ phấn sẽ thu được F2 có tỉ lệ kiểu hình là 9 hạt vàng, vỏ trơn : 3 hạt vàng, vỏ nhăn : 3 hạt xanh, vỏ trơn : 1 hạt xanh, vỏ nhăn (Biết tính trạng hạt vàng là trội hoàn toàn so với hạt xanh, tính trạng vỏ trơn là trội hoàn toàn so với vỏ nhăn). Kiểu gen của F1 là**

A. AaBb.

B. AABB.

C. aabb.

D. AaBB.

**Câu 30 (0,4 điểm): Gen B có số nuclêôtit loại A là 400, số nuclêôtit loại G là 500. Gen B bị đột biến thành gen b có số nuclêôtit loại T là 400, số nuclêôtit loại X là 501. Dạng đột biến của gen B là**

A. thêm 1 cặp A – T.

B. thêm 1 cặp G – X.

C. mất 1 cặp A – T.

D. mất 1 cặp G – X.

**Câu 31 (0,4 điểm): Một trong các nguyên nhân dẫn đến đột biến gen là do các tác nhân vật lí (tia phóng xạ, sốc nhiệt, tia tử ngoại,...) và hóa học (thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ,...). Biện pháp nào giúp hạn chế phát sinh đột biến gen có hại?**

A. Sử dụng các thuốc trừ sâu có nguồn gốc sinh học.

B. Tăng cường thử nghiệm vũ khí hạt nhân.

C. Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học.

D. Phun thuốc tăng trưởng hóa học cho cây trồng.

**Câu 32 (0,4 điểm): Năng suất của giống lúa DR2 phụ thuộc vào kĩ thuật trồng trọt. Biện pháp nào không làm tăng năng suất của giống lúa trên?**

A. Gieo trồng đúng mùa vụ (vào mùa xuân).

B. Chăm sóc, tưới bón đầy đủ.

C. Diệt trừ sâu bệnh hại.

D. Gieo trồng vào tất cả các mùa trong năm.

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS GIA THỤY  **TỔ HOÁ - SINH - ĐỊA**  **ĐỀ 02** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN SINH HỌC 9**  **Ngày: 29/12/2021**  **Năm học: 2021 - 2022**  *Thời gian làm bài: 45 phút* |

**Chọn một đáp án đúng trong các câu sau:**

**Câu 1 (0,3 điểm): Loại biến dị nào gây ra những biến đổi về số lượng xảy ra ở một hoặc một số cặp NST hoặc ở tất cả bộ NST?**

A. Đột biến gen.

B. Đột biến số lượng NST.

C. Thường biến.

D. Đột biến cấu trúc NST.

**Câu 2 (0,3 điểm): Những dạng biến đổi nào thuộc đột biến cấu trúc NST?**

A. Mất đoạn, lặp đoạn và đảo đoạn NST.

B. Lặp đoạn, mất đoạn NST và thể dị bội.

C. Đảo đoạn, lặp đoạn NST và thể đa bội.

D. Mất đoạn NST, thể dị bội và thể đa bội.

**Câu 3 (0,3 điểm): Thể đa bội là cơ thể trong tế bào sinh dưỡng có**

A. số nhiễm sắc thể là bội số của n (lớn hơn 2n).

B. một hoặc một số NST bị thay đổi về số lượng.

C. một hoặc một số NST bị thay đổi về cấu trúc.

D. tất cả bộ NST bị thay đổi về cấu trúc.

**Câu 4 (0,3 điểm): Phát biểu nào SAI khi nói về thường biến?**

A. Là những biến đổi ở kiểu hình phát sinh trong đời cá thể dưới ảnh hưởng của môi trường.

B. Không di truyền cho thế hệ sau.

C. Phát sinh do rối loạn trong quá trình sao chép ADN.

D. Giúp sinh vật thích nghi với môi trường sống.

**Câu 5 (0,3 điểm): Đặc điểm của thực vật bị đột biến thể đa bội là**

A. tốc độ phát triển chậm. B. khả năng chống chịu yếu.

C. năng suất cây trồng giảm. D. cơ quan sinh dưỡng to hơn bình thường.

**Câu 6 (0,3 điểm): Phát biểu nào ĐÚNG khi nói về đột biến cấu trúc NST?**

A. Là những biến đổi trong cấu trúc của NST.

B. Là những biến đổi trong số lượng của NST.

C. Đa số có lợi cho sinh vật.

D. Gồm đột biến thể đa bội và thể dị bội.

**Câu 7 (0,3 điểm): Theo Menđen, mỗi tính trạng của cơ thể được quy định bởi**

A. một cặp nhân tố di truyền.

B. ba cặp nhân tố di truyền.

C. một nhân tố di truyền.

D. hai cặp nhân tố di truyền.

**Câu 8 (0,3 điểm): Trong thí nghiệm lai hai cặp tính trạng của Menden, khi lai hai thứ đậu Hà Lan thuần chủng có hạt vàng, vỏ trơn với cây hạt xanh, vỏ nhăn thì kết quả F2 thu được bao nhiêu kiểu hình?**

A. 1.

B. 2.

C. 4.

D. 6.

**Câu 9 (0,3 điểm): Phép lai phân tích là phép lai giữa cá thể mang tính trạng trội cần xác định…(1)… với cá thể mang tính trạng….(2)….. Nếu kết quả phép lai là đồng tính thì cá thể mang tính trạng trội có kiểu gen đồng hợp, còn nếu kết quả phép lai là phân tính thì cá thể đó có kiểu gen dị hợp.**

**Thông tin nào điền vào những chỗ chấm là đúng?**

A. (1) kiểu gen, (2) lặn.

B. (1) kiểu hình, (2) lặn.

C. (1) kiểu gen, (2) trội.

D. (1) kiểu hình, (2) trội.

**Câu 10 (0,3 điểm): Thể dị hợp có**

A. kiểu gen chứa cặp gen gồm 2 gen tương ứng khác nhau.

B. các cặp gen trong tế bào đều giống nhau.

C. kiểu gen chứa cặp gen gồm 2 gen tương ứng giống nhau.

D. các cặp gen trong tế bào đều khác nhau.

**Câu 11: Trong di truyền học, kí hiệu của giao tử là**

A. G.

B. F.

C. P.

D. x.

**Câu 12 (0,3 điểm): Moocgan nghiên cứu thành công trên loài sinh vật nào để tìm ra quy luật di truyền liên kết?**

A. Muỗi.

B. Ruồi giấm.

C. Ong.

D. Chuồn chuồn.

**Câu 13 (0,3 điểm): Trong thí nghiệm lai một cặp tính trạng của Menden, khi lai hai thứ đậu Hà Lan thuần chủng có hoa đỏ với hoa trắng thì F1 thu được toàn cây hoa đỏ. F1 tự thụ phấn thu được tỉ lệ kiểu hình ở F2 là**

A. 3 hoa đỏ : 1 hoa trắng.

B. 3 hoa trắng : 1 hoa đỏ.

C. toàn cây hoa đỏ.

D. toàn cây hoa trắng.

**Câu 14 (0,3 điểm): Tổ hợp toàn bộ các gen trong tế bào được gọi là**

A. giống thuần chủng.

B. tính trạng.

C. kiểu hình.

D. kiểu gen.

**Câu 15 (0,3 điểm): Bộ NST thuộc thể dị bội có**

A. (2n+1) NST.

B. 3n NST.

C. 4n NST.

D. 5n NST.

**Câu 16 (0,3 điểm): Ở tinh tinh, hiện tượng cặp NST số 18 bị mất một chiếc là đột biến thể dị bội dạng**

A. 2n + 2.

B. 2n - 2.

C. 2n - 1.

D. 2n + 1.

**Câu 17 (0,3 điểm): Cho một đoạn gen bình thường (b) và một đoạn gen đột biến (b’) phát sinh từ đoạn gen bình thường (b): T G X T A G đột biến T G X X A G**

**A X G A T X A X G G T X**

**Đoạn gen ban đầu (b) Đoạn gen đột biến (b’)**

**Dạng đột biến của gen (b’) là**

A. mất một cặp nuclêôtit T – A.

B. thay thế cặp nulêôtit T – A bằng cặp X – G.

C. thêm một cặp nuclêôtit X - G.

D. thay thế cặp nulêôtit X – G bằng cặp T - A.

**Câu 18 (0,3 điểm): Dạng đột biến gen nào làm giảm số lượng nuclêôtit của gen?**

A. thay thế một cặp nuclêôtit.

B. thêm một cặp nuclêôtit.

C. mất một cặp nuclêôtit.

D. thêm hai cặp nuclêôtit.

**Câu 19 (0,3 điểm): Ví dụ nào là đột biến gen có lợi?**

A. Đột biến gen làm mất khả năng tổng hợp diệp lục ở cây mạ.

B. Lợn con có đầu và chân sau dị dạng.

C. Đột biến gen ở cây lúa làm cây cứng và nhiều bông hơn.

D. Đột biến gen gây bệnh bạch tạng ở người.

**Câu 20 (0,3 điểm): Người bình thường có bộ NSt 2n = 46. Ở bệnh nhân mắc bệnh Tơcnơ, cặp NST giới tính XX chỉ có 1 chiếc X. Vậy số lượng NST trong bộ NST của bệnh nhân Tơcnơ là**

A. 45.

B. 46.

C. 47.

D. 48.

**Câu 21 (0,3 điểm): Ví dụ nào là cặp tính trạng tương phản?**

A. Hạt vàng và hoa đỏ.

B. Quả đỏ và hạt nhăn.

C. Hoa đỏ và hạt vàng.

D. Thân cao và thân lùn.

**Câu 22 (0,3 điểm): Cơ thể có kiểu gen AaBb tạo ra mấy loại giao tử?**

A. 4.

B. 3.

C. 2.

D. 1.

**Câu 23 (0,3 điểm): Phép lai nào là phép lai phân tích?**

A. Bb x bb.

B. bb x bb.

C. BB x Bb.

D. Bb x Bb.

**Câu 24 (0,3 điểm): Ở lúa, gen A quy định thân cao, gen a quy định thâp thấp, tính trạng trội át hoàn toàn tính trạng lặn. Kiểu gen biểu hiện kiểu hình cây lúa thân thấp là**

A. Aa và aa.

B. AA và Aa.

C. AA.

D. aa.

**Câu 25 (0,3 điểm): Theo Menđen, các tổ hợp gen nào đều biểu hiện kiểu hình trội (gen trội át hoàn toàn gen lặn)?**

A. DD và dd.

B. DD, Dd, dd.

C. Dd và dd.

D. DD và Dd.

**Câu 26 (0,3 điểm): Ở đậu Hà Lan, gen A quy định quả lục trội hoàn toàn so với gen a quy định quả vàng. Cho biết không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con có kiểu hình phân li theo tỉ lệ 100% cây quả lục?**

A. AA × aa.

B. Aa × Aa.

C. aa × aa.

D. Aa × aa.

**Câu 27 (0,3 điểm): Giống đậu Hà Lan có đặc điểm nào thuận lợi cho việc nghiên cứu di truyền của Menđen?**

**1. Là dòng giao phối bắt buộc.**

**2. Có các cặp tính trạng tương phản rõ rệt.**

**3. Có hoa lưỡng tính và tự thụ phấn nghiêm ngặt.**

**4. Có thời gian sinh trưởng, phát triển ngắn.**

**Phương án đúng là**

A. 1, 3, 4.

B. 1, 2, 3.

C. 2, 3, 4.

D. 1, 2, 4.

**Câu 28 (0,3 điểm): Ở đậu Hà Lan có 2n = 14. Khi quan sát một tế bào sinh dưỡng ở kì giữa của nguyên phân dưới kính hiển vi đếm được 13 NST. Loại đột biến nêu trên là thể dị bội dạng**

A. 2n + 1.

B. 2n – 1.

C. 2n + 2.

D. 2n – 2.

**Câu 29 (0,4 điểm): Khi giao phấn giữa cây đậu Hà Lan thuần chủng có hạt vàng, vỏ trơn với cây hạt xanh, vỏ nhăn thì kiểu hình thu được ở các cây lai F1 đều là cây hạt vàng, vỏ trơn. Nếu cho F1 tự thụ phấn sẽ thu được F2 có tỉ lệ kiểu hình là 9 hạt vàng, vỏ trơn : 3 hạt vàng, vỏ nhăn : 3 hạt xanh, vỏ trơn : 1 hạt xanh, vỏ nhăn (Biết tính trạng hạt vàng là trội hoàn toàn so với hạt xanh, tính trạng vỏ trơn là trội hoàn toàn so với vỏ nhăn). Kiểu gen của F1 là**

A. AaBb.

B. AABB.

C. aabb.

D. AaBB.

**Câu 30 (0,4 điểm): Gen B có số nuclêôtit loại A là 500, số nuclêôtit loại G là 600. Gen B bị đột biến thành gen b có số nuclêôtit loại T là 499, số nuclêôtit loại X là 601. Dạng đột biến của gen B là**

A. thay thế 1 cặp A – T bằng 1 cặp G – X.

B. thêm 1 cặp G – X.

C. mất 1 cặp A – T.

D. thay thế 1 cặp G - X bằng 1 cặp A – T.

**Câu 31 (0,4 điểm): Một trong các nguyên nhân dẫn đến đột biến gen là do các tác nhân vật lí (tia phóng xạ, sốc nhiệt, tia tử ngoại,...) và hóa học (thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ,...). Biện pháp nào giúp hạn chế phát sinh đột biến gen có hại?**

A. Sử dụng các thuốc trừ sâu có nguồn gốc sinh học.

B. Tăng cường thử nghiệm vũ khí hạt nhân.

C. Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học.

D. Phun thuốc tăng trưởng hóa học cho cây trồng.

**Câu 32 (0,4 điểm): Năng suất của giống lúa DR2 phụ thuộc vào kĩ thuật trồng trọt. Biện pháp nào không làm tăng năng suất của giống lúa trên?**

A. Gieo trồng đúng mùa vụ (vào mùa xuân).

B. Chăm sóc, tưới bón đầy đủ.

C. Diệt trừ sâu bệnh hại.

D. Gieo trồng vào tất cả các mùa trong năm.

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS GIA THỤY  **TỔ HOÁ - SINH - ĐỊA** | **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN SINH HỌC 9**  **Năm học: 2021 – 2022** |

**Mã đề 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đáp án** | C | D | A | B | D | A | A | A | A | C | C | B | A | B | D | D |
| **Điểm** | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** |
| **Đáp án** | D | A | C | A | A | A | A | D | D | A | C | A | A | B | A | D |
| **Điểm** | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 |

**Mã đề 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đáp án** | B | A | A | C | D | B | A | C | A | A | A | B | A | D | A | C |
| **Điểm** | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** |
| **Đáp án** | B | C | C | A | D | A | A | D | D | A | C | B | A | A | A | D |
| **Điểm** | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,4 | 0,4 | 0,4 | 0,4 |

*Gia Thụy, ngày 19 tháng 12 năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt:**  **Phạm Thị Hải Vân** | **Tổ trưởng:**  **Nguyễn Thị Phương Thảo** | **Người ra nội dung:**  **Nguyễn Thị Thu Hà** |